tiān má fan

添麻烦

verb phrase · to cause trouble

Example Sentences

wǒ bù xiǎng gěi nǐ tiān má fan
我不想给你添麻烦。

I don't want to cause you trouble.

tā zǒng shì gěi bié rén tiān má fan dà jiā dōu bù xǐ huān tā
他总是给别人添麻烦，大家都不喜欢他。

He always causes trouble for others, and everyone dislikes him.

Trace each character, then write the word on your own.

添 添 添 添 添 添 添 添 添 添 添
添 添 添

麻 麻 麻 麻 麻 麻 麻 麻 麻 麻 麻
麻 麻 麻

烦 烦 烦 烦 烦 烦 烦 烦 烦 烦 烦
烦 烦